

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH TƯỜNG
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 7 - 2021

“V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH TƯỜNG, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Thông.
2. Ông Nguyễn Ngọc Triển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Vinh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vinh Tường tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vinh Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, phân chia con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1974, “có mặt”.

Hộ khẩu thường trú: Phường X, thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc.

Địa chỉ: Phòng A, khu đô thị Đặng Xá, Gia Lâm, Thành Phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị Hồng L, sinh năm 1975, “vắng mặt”.

Hộ khẩu thường trú: Phường X, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ: Số nhà A, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Nơi làm việc: Trung tâm Giáo dục A huyện Vinh Tường; địa chỉ: Thị trấn Thổ Tang, huyện Vinh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 6 năm 2020 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Đ trình bày: Ngày 08/11/1998, ông và bà Đỗ Thị Hồng L kết hôn với nhau tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T (nay là thị trấn T), huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn; sau khi kết hôn ông và bà L về chung sống ở khu tập thể Trường Trung học phổ thông Lê Xoay được thời gian thì chuyển ra ngoài thuê nhà và sinh sống tại thị trấn Vĩnh Tường. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2009, 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến va chạm, có lần đánh nhau. Do cuộc sống hôn nhân căng thẳng nên ông chuyển về cư trú ở Thành Phố Hà Nội sống cùng bố mẹ đẻ và con gái, còn bà L đưa con trai chuyển về ở cùng bố mẹ đẻ tại thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, cả hai sống ly thân nhau từ đó đến nay. Năm 2017, ông làm đơn xin ly hôn bà L tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, nhưng sau đó được Tòa án hòa giải và vì nghĩ cho các con ông đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng vẫn mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không cải thiện được nên năm 2018, ông tiếp tục làm đơn xin ly hôn bà L tại Tòa án.

Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường đã xử cho ông được ly hôn với bà L, tuy nhiên bà L có đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông. Thực tế sau khi Tòa án tỉnh bác đơn ly hôn của ông giữa ông và bà L vẫn duy trì cuộc sống ly thân, hai bên không quan tâm thăm hỏi gì và không liên lạc với nhau, ông vẫn sống ở Hà Nội còn bà L vẫn đi dạy ở Vĩnh Tường và sinh sống ở Việt Trì. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông và bà L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng A, sinh ngày 08/11/1999 và cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 29/11/2008. Hiện nay đang ở cùng ông, cháu Hồng A đã trưởng thành, đủ 18 tuổi ly hôn ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu H hiện đang ở với bà L, ly hôn ông đề nghị Tòa án để bà L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng bà L là 2.000.000đ/tháng kể từ ngày 01/8/2021 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Đỗ Thị Hồng L quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, sau đó đại diện Tòa án đến nơi làm việc của bà L để lấy lời khai, tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/01/2021, bị đơn là bà L trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và việc ly hôn như ông Đ trình bày là đúng. Tuy nhiên, theo bà về nguyên nhân mâu thuẫn là do năm 2009 ông Đ có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, ông Đ tự ý dọn

ra ở riêng và làm đơn xin ly hôn. Mặc dù ông Đ có quan hệ như vậy, nhưng bà chấp nhận tha thứ để vợ chồng hàn gắn với nhau. Năm 2018 ông Đ làm đơn xin ly hôn và Tòa án tỉnh đã bác đơn xin ly hôn của ông Đ, nhưng sau đó bà và ông Đ vẫn duy trì cuộc sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Nay ông Đ xin ly hôn, quan điểm của bà vẫn mong đoàn tụ vì bà cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là không chính đáng.

Về con chung: Bà xác nhận vợ chồng có 02 con chung đúng như ông Đ trình bày. Hiện nay, cháu Nguyễn Thị Hồng A đã trưởng thành đủ 18 tuổi, còn cháu Nguyễn Việt H hiện đang ở cùng với bà. Bà không đồng ý ly hôn nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết về con chung.

Về tài sản chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về kiểm sát tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng ông Đ đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bà L không chấp hành pháp luật, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên phải tự chịu trách nhiệm.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 cho ông Nguyễn Hồng Đ được ly hôn bà Đỗ Thị Hồng L. Về con chung: Bà Đỗ Thị Hồng L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 29/11/2008. Ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con cùng bà L là 2.000.000đ/tháng kể từ ngày 01/8/2021 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Đối với cháu Nguyễn Thị Hồng A, đã trưởng thành ông Đ, bà L đều không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Ông Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Hồng Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Đỗ Thị Hồng L. Bị đơn bà L hiện đang công tác tại Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc; bà L, ông Đ nhất trí đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường theo qui định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về tố tụng:

[2.1]. Đối với bị đơn bà L là giáo viên công tác tại Trung tâm A huyện Vĩnh Tường, quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, không chấp hành pháp luật, không đến Tòa án để làm việc, nên thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

[2.2]. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Ông Đ và bà L đăng ký kết hôn với nhau ngày 08/11/1998 tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là thị trấn T), huyện Vĩnh Tường, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xem xét hôn nhân giữa ông Đ và bà L thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, đã ly thân nhau từ năm 2009.

[3.2]. Trong thời gian ly thân, năm 2017 ông Đ làm đơn xin ly hôn sau đó đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Năm 2018, ông tiếp tục làm đơn xin ly hôn bà L tại Tòa án nhưng Tòa án cấp phúc thẩm đã bác đơn ly hôn của ông Đ để vợ chồng đoàn tụ. Sau khi Tòa án tỉnh bác đơn ly hôn của ông Đ để vợ chồng về đoàn tụ, tuy nhiên từ đó đến nay tình cảm vợ chồng không được cải thiện, ông Đ và bà L vẫn sống ly thân nhau, hai bên không quan tâm thăm hỏi gì và không liên lạc với nhau; ông Đ vẫn sống ở Hà Nội cùng con gái trong khi bà L vẫn đi dạy ở Vĩnh Tường và sinh sống ở Việt Trì. Đến nay ông Đ và bà L ly thân đã hơn 10 năm, ông Đ tiếp tục xin ly hôn lần thứ 3, bà L xin được đoàn tụ nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà L đều vắng mặt, không chấp hành pháp luật, không đến Tòa án để làm việc trình bày về việc đoàn tụ vợ chồng, điều đó thể hiện nguyện vọng đoàn tụ của bà L là không thực tâm.

[3.3]. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Đ và bà L đã rất trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông Đ xin ly hôn bà L là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung:

[4.1]. Ông Đ và bà L có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng A, sinh ngày 08/11/1999 và cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 29/11/2008. Hiện nay cháu Hồng A đã trưởng thành, đủ 18 tuổi (đang ở cùng ông Đ ở Hà Nội), ly hôn ông Đ, bà L không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu H hiện đang ở với bà L, ly hôn ông Đ đề nghị giao cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà L 2.000.000đ/tháng kể từ ngày 01/8/2021 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Mặc dù bà L không có ý kiến gì về phân chia nuôi con chung (do bà xin đoàn tụ), tuy nhiên xem xét về điều kiện, hoàn cảnh và đề nghị của ông Đ,

nguyện vọng của cháu H, Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu H có nguyện vọng muốn ở cùng bà L, thực tế trong suốt thời gian ông Đ, bà L ly thân cháu vẫn ở cùng bà L, do đó để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu H, cần giao cháu cho bà L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà L 2.000.000đ/tháng kể từ ngày 01/8/2021 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi là phù hợp.

[5]. Về tài sản chung: Ông Đ, bà L không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có tài sản và có đề nghị thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Ông Đ phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hồng Đ được ly hôn với bà Đỗ Thị Hồng L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 29/11/2008 (hiện đang ở cùng bà L) cho bà Đỗ Thị Hồng L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà L là 2.000.000đ/tháng, kể từ ngày 01/8/2021 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Đỗ Thị Hồng L có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Hồng Đ không tự nguyện thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Hồng Đ phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2017/0005181 ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Ông Đ còn phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự, người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND thị trấn T, Vĩnh Tường;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Xuân Trọng

